

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 319/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2020

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Trần Minh Triền

2/- Bà Hồ Thị Minh Tâm

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh– Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2020/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Trường A**, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai ngày 20/2/2020 nguyên đơn chị Lê Thị Trường A trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T quen biết và sống chung với nhau vào năm 1999 không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 16/8/2011. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay cự cãi, anh T hay ghen tuông đánh đập chị, mục đích hôn nhân không đạt

được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và đã ly thân hơn 8 năm nay. Do đó, chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên là Nguyễn Văn C sinh năm 1999 đã trưởng thành và Nguyễn Văn C1 sinh ngày 07/8/2006, hiện cháu Nguyễn Văn C1 đang sống với anh Nguyễn Văn T. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn C1, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai, hòa giải ngày 18/6/2020 bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với nội dung trình bày của chị A về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị A có người khác, chị A bỏ đi khoảng 06 năm nay. Anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên là Nguyễn Văn C, sinh năm 1999 đã trưởng thành và Nguyễn Văn C1 sinh ngày 07/8/2006, hiện cháu Nguyễn Văn C1 đang sống với anh.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Trường A, cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; Anh T được tiếp tục nuôi con chung, chị A không phải cấp dưỡng; Chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Trường A là nguyên đơn trong vụ kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Lê Thị Trường A và anh Nguyễn Văn T.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Trường A và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2011 tại UBND xã B, Huyện C, tỉnh An Giang. Do vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị A và anh T chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị A trình bày là do bất đồng quan điểm, hay cự cãi, anh T hay ghen tuông đánh đập, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và đã ly thân hơn 8 năm, chị cương quyết xin được ly hôn; Về phía anh T thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị A có người khác và đã bỏ đi khoảng 6 năm nay, anh không đồng ý ly hôn. Song suốt thời gian ly thân anh cũng không có tạo điều kiện để hàn gắn lại quan hệ tình cảm, qua xác minh mâu thuẫn được biết anh chị ly thân nhiều năm nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, khả năng hàn gắn là không có, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị A và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Văn C, sinh ngày 26/8/1999 đã trưởng thành, sinh ngày 7/8/2006 và Nguyễn Văn C1. Hiện cháu C1 đang sống với anh T. Khi ly hôn, chị A đồng ý để cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy từ khi ly thân đến nay cháu C1 sống với anh T và tại bản tự khai ngày 18/6/2020 cháu C1 có nguyện vọng sống với cha. Do đó nghĩ nên để anh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Lê Thị Trường A phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Trường A.

Chị Lê Thị Trường A được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 156 ngày 16/8/2011 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung:** Anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn C1, sinh ngày 7/8/2006. Chị Lê Thị Trường A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền tối lui thăm con chung cho chị A.

- **Về án phí:** Chị Lê Thị Trường A phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006855 ngày 04/05/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Chị Lê Thị Trường A và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Kim Hoa